

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật							
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không	x	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm tư vấn pháp luật	Sở Tư pháp		Không		- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không	x	- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
II. Lĩnh vực luật sư							
7	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		50.000đ/hồ sơ	x	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
8	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Không quy định	Sở Tư pháp		50.000đ/hồ sơ	x	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
9	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		50.000đ/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
10	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		50.000đ/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
11	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		50.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		2.000.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
14	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		1.000.000đ/hồ sơ		- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
15	Hợp nhất công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		Không		Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
16	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		Không		Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
17	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		Không		Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
18	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		50.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
19	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		600.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
20	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Sở Tư pháp		2.000.000đ/hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
III. Lĩnh vực Đấu giá tài sản							
21	Cấp thẻ đấu giá viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		Không	x	- Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
22	Thủ tục cấp lại thẻ đấu giá viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy đề nghị	Sở Tư pháp		Không	x	- Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
23	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		1.000.000 đồng		- Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
24	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy đề nghị thay đổi	Sở Tư pháp		500.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
25	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận giấy đề nghị	Sở Tư pháp		500.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
							- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
26	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		Không		- Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
27	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, phê duyệt tổ chức đấu giá tài sản đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Sở Tư pháp		Không		- Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
28	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lập danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở và gửi Bộ Tư pháp.	Sở Tư pháp		2.700.000 đồng		<ul style="list-style-type: none"> - Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016; - Nghị định số 62/2017/N Đ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
IV. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản							
29	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản và thông báo bằng văn bản cho người đó, trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	Sở Tư pháp		500.000 đồng/hồ sơ	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
		- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, Sở Tư pháp gửi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản cho Bộ Tư pháp.					
30	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		Không		- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
31	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tư pháp		500.000 đồng/hồ sơ		- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
32	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Quản tài viên	Sở Tư pháp		Không	x	- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
33	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của doanh nghiệp	Sở Tư pháp		Không		- Luật Phá sản số 51/2014/QH13 ngày 19/6/2014; - Nghị định số 22/2015/N Đ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
I. Lĩnh vực Luật sư				
1	1.002113.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư tự chấm dứt hoạt động hoặc công ty luật bị hợp nhất, sáp nhập	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)
2	1.002113.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động hoặc Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc tất cả các thành viên của công ty	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
		luật hợp danh, thành viên của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư		
3	1.002113.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư trong trường hợp chấm dứt hoạt động do Trưởng văn phòng luật sư, Giám đốc công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên chết	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
4	1.002251.000.00.00.H42	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
5	1.002272.000.00.00.H42	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
6	1.002311.000.00.00.H42	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, phương án xây dựng nhân sự Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Đoàn luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
7	1.002336.000.00.00.H42	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
8	1.002010.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề Luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
9	1.002032.000.00.00.H42	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
10	1.002055.000.00.00.H42	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật TNHH một thành viên	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
11	1.002079.000.00.00.H42	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
12	1.002099.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hoạt động cho chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
13	1.002153.000.00.00.H42	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
14		Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
15	1.002198.000.00.00.H42	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty luật nước ngoài	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTTC	Tên TTTC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
16	1.002218.000.00.00.H42	Hợp nhất công ty luật	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
17	1.002234.000.00.00.H42	Sáp nhập công ty luật	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
18	1.002251.000.00.00.H42	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
19	1.002272.000.00.00.H42	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
20	1.002398.000.00.00.H42	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
21	1.002384.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của Công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
22	1.002368.000.00.00.H42	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, Công ty luật nước ngoài	Quyết định số 1565/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
II. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật				
23	1.000460.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
24		Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
25	1.000443.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
26	2.000790.000.00.00.H42	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh (Trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh bị xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động không thời hạn)	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
27	2.000790.000.00.00.H42	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh (Trong trường hợp Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh không đủ số lượng luật sư, tư vấn viên pháp luật theo quy định của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP)	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
28	1.000627.000.00.00.H42	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
29	1.000614.000.00.00.H42	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
30	1.000588.000.00.00.H42	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
31	1.000426.000.00.00.H42	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
32	1.000404.000.00.00.H42	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
33	1.000390.000.00.00.H42	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Quyết định số 1566/QĐ-BTP ngày 13/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình
III. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật				
34	2.001923.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	Quyết định số 1472/QĐ-BTP, ngày 25/6/2020 của Bộ Tư pháp về việc bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
35	2.001520.000.00.00.H42	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
IV. Lĩnh vực Quốc tịch				
36	2.002039.000.00.00.H42	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	<p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam;</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp về ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p>	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
37	2.002038.000.00.00.H42	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
38	2.002036.000.00.00.H42	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
39	1.005136.000.00.00.H42	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		
40	2.001895.000.00.00.H42	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam		
V. Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm				
41	1.004583.000.00.00.H42	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
42	1.004550.000.00.00.H42	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai		TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
43	1.003862.000.00.00.H42	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận		
44	1.003688.000.00.00.H42	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu		
45	1.003625.000.00.00.H42	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký		
46	1.003046.000.00.00.H42	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký		
47	2.000801.000.00.00.H42	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
48	1.001696.000.00.00.H42	Chuyên tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở		
49	1.000655.000.00.00.H42	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất		
VI. Lĩnh vực Đấu giá tài sản				
50	2.001808.000.00.00.H42	Thu hồi thẻ đấu giá viên	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020)	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)
51	2.001386.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
52	2.001306.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và các ngành nghề khác	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
53	2.001233.000.00.00.H42	Thủ tục thu hồi giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
54	2.001815.000.00.00.H42	Cấp thẻ đấu giá viên	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
55	2.001807.000.00.00.H42	Thủ tục cấp lại thẻ đấu giá viên	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
56	2.001395.000.00.00.H42	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
57	2.001333.000.00.00.H42	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
58	2.001258.000.00.00.H42	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
59	2.001247.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
60	2.001225.000.00.00.H42	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
61	2.002139.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Quyết định số 1724/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
VII. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý thanh lý tài sản				
62	2.001093.000.00.00.H42	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quyết định số 1725/QĐ-BTP, ngày 10/8/2020 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
			chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020)	danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019)
63	1.001921.000.00.00.H42	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
64	1.001488.000.00.00.H42	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
65	1.001487.000.00.00.H42	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
66	1.001486.000.00.00.H42	Gia hạn quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
67	1.001485.000.00.00.H42	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
68	1.001484.000.00.00.H42	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
69	1.001914.000.00.00.H42	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
70	1.002626.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
71	1.001842.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
72	1.001633.000.00.00.H42	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019
73	1.001600.000.00.00.H42	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quyết định số 1725/QĐ-BTP ngày 10/8/2020	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
I. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật				
1	2.001489.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp huyện	Quyết định số 1472/QĐ-BTP, ngày 25/6/2020 của Bộ Tư pháp về việc bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	2.001475.000.00.00.H42	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp huyện		
II. Lĩnh vực Chứng thực				
3	2.000992.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
4	2.001008.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật		
5	2.001044.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản		

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
6	2.001050.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản		
7	2.001052.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản		

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
I. Lĩnh vực Chứng thực				
1	2.001035.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	2.001019.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực di chúc		
3	2.001016.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
4	2.001406.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
5	2.001009.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG CHUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
I. Lĩnh vực Chứng thực				
1	2.000815.000.00.00.H42	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	2.000843.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		
3	2.000884.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu		

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
		chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		
4	2.000913.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
5	2.000927.000.00.00.H42	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
6	2.000942.000.00.00.H42	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
I. Lĩnh vực Chứng thực				
1	2.000975.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự	Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	2.000992.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự		